| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 65/2020/HNGĐ-ST
Ngày 28-4-2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Lương Ngọc Dũng

*Các Hội thẩm nhân dân*:

Ông Trần Đăng Khoa

Ông Nguyễn Thành Biên

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phạm Thủy Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 28 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 274/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phùng Thị A, sinh năm 1990; nơi ĐKHKTT: Thôn E, xã F, huyện G, thành phố Hải Phòng; hiện tạm trú tại: 20/139 đoạn 2 đường TS, làng SH, huyện CH, Đài Loan; vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Bùi Hải B, sinh năm 1988; nơi cư trú: Thôn E, xã F, huyện G, thành phố Hải Phòng; có mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và đơn đề nghị, nguyên đơn chị Phùng Thị A trình bày:* Chị và anh Bùi Hải B kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đoàn Xá, huyện G, thành phố Hải Phòng vào ngày 24 tháng 12 năm 2008. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách hai vợ chồng không hợp nhau, không cùng chung quan điểm sống dẫn đến việc cả hai không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống hàng ngày. Chị và anh B đã được gia đình và bạn

bè đã hòa giải nhưng tình trạng hôn nhân vẫn không thể hàn gắn. Nay, chị A nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh Bùi Hải B.

Về con chung: Chị và anh Bùi Hải B có 02 con chung là cháu Bùi Ngọc C, sinh ngày 06 tháng 8 năm 2009 và cháu Bùi Thị Thùy D, sinh ngày 01 tháng 3 năm 2013. Ly hôn, chị A đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị và anh B tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị và anh B tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Trong các bản tự khai của bị đơn gửi cho Tòa án, anh Bùi Hải B trình bày:* Anh thống nhất về quá trình kết hôn cũng như mâu thuẫn vợ chồng giữa anh và chị A. Nay, anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn nên chị A đề nghị ly hôn, anh đồng ý. Về con chung: Cháu Bùi Ngọc C, sinh ngày 06 tháng 8 năm 2009 đang ở với anh nên anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu. Về việc cấp dưỡng nuôi con, anh chị tự thỏa thuận đề nghị Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Anh và chị A tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Phùng Thị A vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, xét thấy:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án ly hôn. Nguyên đơn chị Phùng Thị A hiện đang sinh sống tại Đài Loan, bị đơn anh Bùi Hải B hiện đang sinh sống tại Hải Phòng, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc hòa giải vụ án và sự vắng mặt của đương sự: Chị Phùng Thị A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và không tiến hành hòa giải. Do vậy, căn cứ khoản 2, khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án. Căn cứ khoản 1 Điều 227; điểm a khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phùng Thị A và anh Bùi Hải B kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã F, huyện G, thành phố

Hải Phòng vào ngày 24 tháng 12 năm 2008. Theo quy định tại Điều 8; Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách hai vợ chồng không hợp nhau, không cùng chung quan điểm sống dẫn đến việc cả hai không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống hàng ngày. Gia đình và bạn bè đã hòa giải nhưng mâu thuẫn vẫn không thể hàn gắn. Như vậy, xét mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọngmục đích hôn nhân không đạt được, việc chị Phùng Thị A đề nghị ly hôn là hoàn toàn chính đáng, cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận đề nghị ly hôn của chị A.

[4] Về con chung: Chị Phùng Thị A và anh Bùi Hải B có 02 con chung là cháu Bùi Ngọc C, sinh ngày 06 tháng 8 năm 2009 và cháu Bùi Thị Thùy D, sinh ngày 01 tháng 3 năm 2013. Ly hôn, chị A đề nghị được nuôi hai cháu, anh B đề nghị được nuôi cháu Bùi Ngọc C. Hiện nay, cháu Bùi Ngọc C đang ở với anh Bùi Hải B còn cháu Bùi Thị Thùy D đang ở với bà Đinh Thị L – mẹ đẻ của chị Phùng Thị A. Cháu Bùi Ngọc C có nguyện vọng được ở với bố là anh Bùi Hải B, còn cháu Bùi Thị Thùy D có nguyện vọng được ở với mẹ là chị Phùng Thị A. Xét thấy nguyện vọng của anh B và hai cháu là chính đáng, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh thực tế của hai vợ chồng nên Hội đồng xét xử chấp nhận nguyện vọng của anh B và hai cháu. Do vậy, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, giao cháu Bùi Ngọc C cho anh Bùi Hải B trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành, giao cháu Bùi Thị Thùy D cho chị Phùng Thị A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành. Về việc cấp dưỡng nuôi con, chị A và anh B tự thỏa thuận không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị Phùng Thị A và anh Bùi Hải B tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phùng Thị A là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị Phùng Thị A và anh Bùi Hải B được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 207; khoản 1 Điều 227; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phùng Thị A được ly hôn anh Bùi Hải B.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Ngọc C, sinh ngày 06 tháng 8 năm 2009 cho anh Bùi Hải B trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành. Giao cháu Bùi Thị Thùy D, sinh ngày 01 tháng 3 năm 2013 cho chị Phùng Thị A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành. Về việc cấp dưỡng nuôi con, chị A và anh B tự thỏa thuận không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

4. Về tài sản chung: Chị Phùng Thị A và anh Bùi Hải B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phùng Thị A phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng* ) theo Biên lai số 0008308 ngày 18 tháng 12 năm 2019 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Phùng Thị A đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo:

- Chị Phùng Thị A (vắng mặt) được được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết hợp lệ.

- Anh Bùi Hải B (có mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND xã F, huyện G, thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lương Ngọc Dũng**